

Số 51 — GIÁ 0,25 — NGÀY 9 SEPTEMBRE 1945

NAM KỶ

Năm Kỷ

Giám-đọc: HO-VAN-TRUNG
BÀO QUẢN: 5 ĐƯỜNG REIMS SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21 543



Ngày Văn-học

HỒ-VĂN-TRUNG

Ngày mùng 10 tháng 8 năm Canh-thìn, nhằm năm 1820, là ngày cụ Nguyễn-Du tạ thế, đến nay kể đã được 123 năm.

Tên Nguyễn-Du mà được trường tồn và được phổ thông khắp trong đất Việt, từ già chí trẻ, từ Bắc chí Nam, ai ai cũng mến yêu quý trọng, ấy là nhờ có bộ truyện Kim-Vân-Kiều.

Mà truyện Kim-Vân-Kiều được lưu truyền đến đời nay, rực rỡ lại thơm-tho, như bụi hoa tươi đẹp trong vườn văn-học Việt-Nam, ấy cũng là nhờ có cụ Nguyễn-Du.

Năm ngoài, đến ngày giỗ cụ Nguyễn-Du, đồng-bào trong ba Kỳ đã có cử hành lễ truy niệm rất long trọng; đâu đâu cũng có cuộc diễn-thuyết, cũng có những số báo đặc biệt, để nhắc-nhờ nhà Việt-Nam đại văn-hào quá cố.

Về tiểu-sử, về thính-danh, về văn-tài, về tâm-sự của cụ Nguyễn-Du, thì người ta đã nghị-luận và giải bày đủ hết rồi.

Ai cũng biết cụ sanh hồi đời Hậu-Lê, tại làng Tiên-Điền, huyện Nghi-Xuân, phủ Đức-Quang, xứ Nghệ-An, bây giờ thuộc phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-Tĩnh. Cụ vốn dòng thế-gia vọng-tộc, lấy thi-thơ khoa-cử làm sự-nghiệp của tông-môn. Thân sanh cụ, là Trung-Cần-Công Nguyễn-Nghiêm, 16 tuổi đã thi đậu cử-nhơn, rồi 24 tuổi đậu tiến-sĩ. Còn cụ thì tuy 19 tuổi mới đậu tú-tài, song nhờ tập ám nên cũng được làm quan giúp vua trị nước. Sau gặp buổi Tây-Sơn gây loạn, cơ nghiệp nhà Lê tan-tành, cụ lui về cố-hương, thờ lo hai chữ cần vương, chèo việc không thành, cụ thất chí mới nhạo thủy dũ sơn cho khuấy khuấy nổi lòng trung nghĩa. Đến khi Thợ-Tổ Cao-Hoàng-Đế nhất thống sơn hà, lên ngôi cử-ngũ, xuống chiếu triệu con cháu cựu-thân nhà Lê ra giúp, thì cụ Nguyễn-Du bối rối trăm bề. Quên Lê để phò Nguyễn, thì đau đớn niềm thân-tử vô cùng, mà cách ít tháng sau thăng thì thân phải gian-nan, bởi vậy cụ phải lãnh chức Tri-huyện, rồi cách ít tháng sau thăng chức Tri-phủ. Nhưng bất đắc dĩ mới làm quan, cụ không có chút tâm-hồn với chức nghiệp, nên chẳng bao lâu cụ cáo bệnh xin về nhà. Năm Gia-Long thứ 5, tức 1806, vua triệu cụ trở lại Kinh, sung chức Đông-Các Học-Sĩ, sau chuyển qua Cần-Chánh-Điện Học-Sĩ. Năm Gia-Long thứ 12, tức 1813, cụ lãnh chức Chánh-sứ đi sứ Thanh-triều, chừng trở về được thăng Lễ-bộ Hữu Tham-Tri, Năm Minh-Mạng nguyên-niên, tức 1820, vua lại chọn cụ đi sứ Tàu nữa, nhưng lần này chưa khởi hành thì cụ lâm bệnh mà tạ thế.

Năm nay, ngày mùng 10 tháng 8, nhằm 9 septembre, là ngày giỗ cụ Nguyễn-Du. Tôi cùng các bạn đồng-chí trong Tòa soạn Nam-Kỳ Tuần-báo và Đại-Việt Tập-Chi không thể quên công-on của tiên-nhơn khai sáng văn-chương Việt-Nam, nên chúng tôi chọn ngày này làm « Ngày Văn-Học » để tỏ chút lòng thành kính và tri ân với cụ Tiên-Điền.

Nền văn-học Việt-Nam bắt đầu gây ra đã gần với ngàn năm trước. Phải khảo-cứ đầy công, phải viết ra một bộ sách có lẽ mới nói rõ hết được. Hôm nay, hơn 6 ngày Văn-học, tôi chỉ muốn nhắc sơ nguồn gốc văn-học riêng ở xứ Đông-Nai, là xứ dân-tộc Việt-Nam mới bắt đầu khai thác từ thế kỷ thứ 15.

Trong Nam cũng như ngoài Bắc, nền văn-học của ta lúc sơ phát dùng toàn Hán-tự làm khi-cụ.

Năm Bình-thìn, tức 1736, Mạc Thiên-Từ nổi nghiệp cha là Mạc-Cửu, người Quảng-dông, được Túc-Tôn Hoàng-đế, tức Chúa Nguyễn Phước-Châu, phong làm Đô-Đốc trấn Hà-Tiên, người qui tụ nhà văn-học từ phương rồi lập một văn-đền, kêu là Chiêu-Anh-Các, để giảng luận sử kinh, xướng họa thi phú, làm cho góc trời nam nổi tiếng phong lưu tài vận một thời.

Những bộ sách « Hà-Tiên thập vịnh », gồm cả 320 thiên, trong đó Mạc Đô-Đốc xướng rồi có tới 25 người Tàu và 6 người Nam hòa vận, ấy là tăng thứ nhất của đài văn-học ở đất Đông-Nai. Rất liếc thay, Hà-Tiên phải gặp mấy phen binh lửa, làm cho sự-nghiệp văn-chương của nhóm Chiêu-Anh-Các bị thiệt hủy hết. Đến đời vua Gia-Long, cụ Trịnh Hoài-Đức ngồi chức Hiệp-Tổng-Trấn Gia-định, cụ chỉ tìm được có tập « Minh bệ di ngữ », là cảnh « Lu-Khê nhàn điệu », một trong 10 cảnh « Hà-Tiên thập vịnh » của Chiêu-Anh-Các. Cụ Trịnh-Hoài-Đức viết bài tán-tự hồi năm Minh-Mạng thứ 2, tức 1821, để tái bản tập « Minh bệ di ngữ », cụ có nói lúc tuổi thành-đồng cụ đã được thấy, ngoài tập « Minh bệ di ngữ thi thảo », còn những bộ « Hà-Tiên thập cảnh toàn tập », « Hà-Tiên vịnh vật thi tuyển », « Châu-thị trình liệt tằng ngôn », « Thi truyện tằng Lưu tiết-phụ ». « Thi thảo cách ngôn vị tập » thuộc của nhóm Chiêu-Anh-Các sản xuất, nhưng đến sau cụ tìm không ra.

Tuy hiện thời chúng ta không được xem, song theo lời cụ Trịnh, thì tăng thứ nhất của đài văn-học Nam-Trung nhờ Mạc Đô-đốc mà đã được vẻ-vang rực-rỡ rồi.

Năm mười năm sau, ở đất Gia-định, lại nổi lên hai vị xử-sĩ rất cao quý, chuyên dạy học trò để tô-diễm thêm đài văn. Ấy là cụ Võ Trường-Toản với cụ Đặng-Đức-Thuyết.

Cụ Võ Trường-Toản thì giữ chí thanh khiết, không chịu làm quan, chỉ lo dạy học. Những danh-thần cao quý đời Gia-Long là Ngô-Tùng-Châu, Lê-Quang-Định, Trịnh Hoài-Đức và Ngô-Nhân-Tịnh đều là môn-đệ của cụ.

Còn cụ Đặng-Đức-Thuyết thì ra làm quan, song cụ là bực thi-bá, bởi vậy các cụ Trinh, Ngô và Lê, sử gọi là « Gia-định tam gia » phải tập thi với cụ, mới làm cho thi-học ở Gia-định hồi thời ấy được thanh hành.

Lê Quang-Định lập « Bình-Dương thi xã » chánh lúc ấy. Đến năm Gia-Long thứ 5, cụ Lê lại lãnh làm bộ sách « Đại-Việt nhất thống dư địa chí ».

Trịnh-Hoài-Đức thì có công góp những thi của cụ, của Lê-Quang-Định và của Ngô Nhân-Tịnh mà in thành quyển sách, nhan đề « Gia-định tam gia thi tập » để lưu hành. Sự-nghiệp văn-chương của cụ Trịnh lại còn những bộ: « Gia-định thông chí » — « Cẩn-Trai thi tập » — và « Bắc-Sử thi tập ».

Về sau cụ Phan-thanh-Giản còn bồi bổ thêm nền văn với những bộ sách « Lương-Khê thi tập » — « Sứ-trình thi tập » — « Khâm-Định Việt-Sử thông giám cương-mục » và « Khâm-Định đối sách chuẩn thăng ».

Mà những đóa hoa trong vườn văn-học Đông-Nai kể trước đó là những sách Hán-tự. Về quốc-văn, thì đất Đông-Nai có sản-xuất :

Cụ Bùi Hữu-Nghĩa với bốn tuồng « Kim Thạch Kỳ Duyên » và nhiều bài bát-cử cùng văn-tế ; Cụ Nguyễn-Đình-Chiêu với thơ « Lục-văn-Tiên », « Ngự tiền văn đáp » và « Dương tử hà mậu » ;

Cụ Tôn Thọ-Tường với thi « Thập thủ liên huân » ;

Cụ Trương-Minh-Kỳ với tuồng « Kim-vân-Kiều » và « Bá-Áp-Khảo ».

Cụ Trương-vĩnh-Kỳ với hơn 50 bộ sách, gồm cả quốc-văn và pháp-văn.

Bực tiền-bối đất Đông-Nai gây dựng đài văn-học cho chúng ta, từ Chiêu-Anh-Các tới Trương Sĩ-Tải, chỉ có 150 năm, mà đã lưu truyền lại cho chúng ta những sự-nghiệp văn-chương rất nguy-ngha, rất đồ sộ, không kể những tác-phẩm chúng ta chưa được biết của những danh-nho tiền-đại như các cụ Vương-Hữu-Quang, Nguyễn-Thông, Huỳnh Mãn-Đại. Hôm nay kỷ-niệm ngày cụ Nguyễn-Du tạ thế, tôi nghĩ lời kêu gọi các bạn văn-nhơn thi-sĩ hiện thời và khẩn cầu các bạn, vì cuộc phục-hưng văn-học để phụng-sự quốc-gia, phải tận tâm noi dấu tiên-nhơn mà làm việc, làm việc với tinh-thần hăng-hái, với trí-ý thanh-cao, ngộ liếp với người trước đắp thêm nền văn-học Việt-Nam cho cao vợi mà để lại cho người sau, được như vậy mới có ích cho quê-hương, mới xứng đáng danh văn-sĩ.

GIA-DINH XU' SI

Do «Đại-Nam Liệt truyện tiền biên» quyển thứ 6, mục «Ấn-dật Liệt-truyện»

VÕ-TRƯỜNG-TOÀN



Võ-Trường-Toàn là người ở Gia-định, gốc ở huyện Bình-Dương.

Cụ sẵn có trí thông-minh, lại có tài học rộng; binh sanh cụ lập chí cao khi, cư xử theo thái-độ tiên triết liên hiền. Gặp lúc loạn Tây-sơn, cụ quyết noi dấu Nho phong Mạc-tục, nên ở ẩn mà dạy học. Nhiều sĩ danh-thần gièm triều Gia-Long như Ngô Tùng-Châu, Trịnh-Hoài-Đức, Lê Quang-Định, Ngô Nhân-Tĩnh, đều là môn sanh của cụ.

Lúc chúa Nguyễn-Ánh lo cuộc Trung-hưng khắc phục được Gia-định rồi thì thường triệu cụ đến mà bàn luận việc nước. Vua rất khen cụ là người cao thượng.

Khi cụ mất, chúa Nguyễn tặng cụ hiệu: «Gia-định-xứ-sĩ-Sùng-đức-Võ-tiên-sanh» và lấy hiệu ấy khắc vào mộ của cụ.

Cụ Võ không có con, chỉ có người con nuôi, tên Trước, tục vua miếu là linh, để lo phụng tự cụ.

Năm Gia-Long thứ 18, vua lại cho người cháu trong họ, tên Đông, lãnh coi việc ấy.

Năm Tự-Đức thứ 5, vua dạy lập nhà sanh-biểu để thờ cụ và cũng lấy hiệu của vua Gia-Long cho hội-trước mà thờ.

ĐẶNG-ĐỨC-THUẬT

Cụ Đặng-Đức-Thuật tự Cửu-Từ, không ai biết rõ người gốc ở xứ nào, lúc nhỏ thì có tài học rộng, làm thơ hay, nhất là có tiếng giỏi về môn sử-học.

Gặp loạn Tây-Sơn, cụ cất nhà tại Phước-Sơn, thuộc Bình-Thuận, mà ở ẩn dạy học. Thờ ấy học-giả xưng cụ là «Đặng-gia-Sư-phái».

Năm Mậu-thân (1788) chúa Nguyễn-Ánh thâu phục thành Gia-định thì cụ Đặng-Đức-Thuật với cụ Lê-Đạt đến bệ kiến. Vua thấy hai cụ là người lão thành học rộng nên yêu trọng, bèn phong cho tất cả hai chức Hàn-

lâm-viện-Thị-Giảng gián nghị. Sau cụ Đạt mất. Cụ cụ Thuật, vốn người cương trực, gặp việc dám nói, nên thấy vua lập hình phạt nặng nề thì can gián, xin bỏ. Vua chẳng nghe. Cụ Thuật phiếm nói: «Lời nói không công hiệu, thế thì gián nghị nổi gì». Rồi cụ bỏ chức-mà đi. Vua sai Giám-quản theo kiếm mời về. Sau cụ từng chinh mà mất.

Lúc cụ Đặng-Đức-Thuật ở Gia-định thì các cụ Trịnh-Hoài-Đức, Ngô Nhân-Tĩnh, Lê-Quang-Định, Nguyễn-Mương, nghe danh cụ làm thi hay, nên đến thọ giáo với cụ. Thi học ở Gia-định mà được thanh hành, chánh lúc ấy là lúc đầu tiên.

NGUYỄN-HƯƠNG

Cụ Nguyễn-Hương kể trên đây, gốc ở Bình-Thuận. Lúc chúa Nguyễn-Ánh mới gây cuộc Trung-hưng ở cả Gia-định, thì cụ ra làm quan lãnh chức Hàn-lâm-Thị-thơ. Cụ có danh về văn-học, song lãnh không thích làm quan, bởi vậy một ít lâu cụ bỏ chức mà về, rồi thường ngâm vịnh để thỏa trí ý; có lưu lại một thi-tập.

Bài «Thề-được-thi» của cụ có câu như vậy:

Học đất trường sanh bi,
Bất cầu thiên hạ văn.

Còn trong bài thi «Sơn-lộ» có câu như vậy:

Sơn nhơn tự tại văn,
Sơn thâm nhơn bất tri.

Sử cho cụ là người có tư-tướng xuất trần.

Gia-dinh tam gia

(Do «Đại-Nam chánh biên liệt truyện» sơ tập quyển thứ 11)

LÊ-QUANG-ĐỊNH

Cụ Lê-quang-Định tự Tri Chỉ, hiệu Tấn-Trai, nguyên tổ gốc ở Phú-Vinh, thuộc Thừa-Thiên. Thân-phụ cụ, tên Sách, làm quan chức Thủ-nự tại Đà-bồng-nguyên. Thân-phụ cụ mất lúc cụ còn nhỏ. Nhà nghèo, cụ theo anh tên Hồn-

vào Gia-định, trú ngụ tại Bình-Dương. Chẳng khờ lớn cụ có lòng làm học. Ông y-sanh Huỳnh-đức-Thành thấy vậy thì đem lòng yêu, nên gả con gái cho cụ.

Có gia-hất rồi, cụ Lê quyết chí cần học; cụ thọ giáo với Võ-Trường-Toàn, kết bạn thân với Trịnh-hoài-Đức và Ngô-nhân-Tĩnh, rồi lập «Bình-Dương thi xã», nổi danh phong nhã làm cho học-giả từ phương nhiều người thích đến xướng họa.

Khi chúa Nguyễn-Ánh khắc phục Gia-định rồi thì cụ Lê của với Trịnh-hoài-Đức và Ngô-Nhân-Tĩnh được tiến cử ra phò vua. Cụ Lê thọ chức «Hàn-lâm-viện ché-cáo» lãnh coi việc ruộng rẫy, đi khắp các huyện mà khuyến dân làm ruộng và trồng dâu nuôi tằm. Sau được thăng chức «Đông-cung-Thị-Giảng», rồi thăng chức «Bình-bộ hữu-Tham-Tri».

Trong khoảng mấy năm vua cử đại binh ra đánh đàng ngoài, thì cụ Lê thường theo trong quân mà coi cung cấp lương lương cho binh-hành.

Năm Canh-thân (1800) cụ cũng Nguyễn-văn-Nhân phò Đông-cung ở trấn Gia-định.

Gia-Long người niên, (1802) cụ Lê lãnh chức «Hợp-Trấn» tại Thanh-Bà. Qua mùa đông, triều đình nghị phải thông sứ với nhà Thanh bên Trung-quốc, thì cụ Lê được thăng «Bình-bộ Thượng-thor» rồi sung Chánh-sứ, có Lê chánh-Lý và Nguyễn-gia-Kiệt làm Phó-sứ, để qua triều nhà Thanh thông phong. Cụ vết kiến Thanh Hoang-đế mà tâu rằng: «Nước tôi gồm cả đất An-nam và Việt-Thường, cương vực bây giờ rộng lớn, chứ không phải như đời Trần, Lê trước vậy, nên xin cải hiệu An-nam mà xưng là Nam-Việt-Quốc, Hoàng-Đế nhà Thanh sai Quảng-Tây Án-sát-sứ, là Tê-bộ-Sum, qua phong và cải xưng là Việt-Nam.

Lê bang-giao xong rồi, cụ Lê lãnh bộ vụ lại như cũ.

Năm Gia-Long thứ 5 (1806) cụ lãnh sắc làm bộ sách «Đại-Việt nhất thống dư địa chí». Bộ sách này gồm 10 quyển, khảo đồ đồ tích trong nước, từ kinh-sự vào nam tới Hà-tiên, ra bắc tới Lạng-sơn, phạm núi non sông rạch đường sá, giới hạn cương vực, kiều lương, thị địa, phong tục, thổ sản, mỗi mỗi đều biên hết.

Năm Gia-Long thứ 8 (1809), cụ cải thọ chức Hộ-bộ Thượng-thor, kiêm quản Khâm-thiên-Giám.

Năm Gia-Long thứ 9 (1810), cụ phụng sắc coi sắp đặt bộ điền thổ, phân điền làm 5 hạng.

Năm Gia-Long thứ 10 (1811) cụ được sung chức «Tọa-tả thành-Sơn-lãng-sứ».

Năm Gia-Long thứ 12 (1813) cụ lâm bệnh nặng. Vua dạy Hoàng-tử là Kiến-An-Công đến thăm và sai sứ đem ban sầm quế. Chẳng mấy ngày cụ mất, thọ được 54 tuổi. Vua rất thương tiếc, ban số, gấm, vải trắng để tẩm liệm, lại cấp tiền để tống táng. Đến ngày táng vua còn cho binh thuyền đi đưa.

Năm Tự-Đức thứ 5 (1851) cụ Lê được đem vào thờ trong miếu Trung-hưng Công-thần.

Sử biên cụ Lê-Quang-Định tài thức thông minh, luyện đạt chánh thể, tánh thận, mật, ít thị-dục. Cụ thiện nghệ về thi họa, nhất là vẽ lan, trúc, theo điệu thủy mặc, hề về thi đề thi, người Tàu xem đều phải khen ngợi.

Cụ Lê có 2 người con, tên Diêu và tên Dân, Diêu làm quan tới chức: «Cần-liu-ty Chủ-sự». Còn Dân tới chức «Nội-vụ-phủ Lang-trung».

TRINH HOÀI-ĐỨC

Cụ Trịnh-Hoài-Đức tên An, tự Chỉ-Son, hiệu Cẩn-Trai.

Nguyên tổ là người Phước-Kiến, vốn giỏi sĩ-hoạn. Hồi nhà Thanh mới lập, ông nội cụ Trịnh tên Hội, không chịu hốt tóc, mới bỏ xứ đi qua Nam, cư ngụ tại Trấn-Biên. Thân-phụ cụ tên Khánh, lúc nhỏ ham học lại có tài viết chữ lớn và đánh cờ, nổi danh lúc ấy. Vua Thế-tôn triều Nguyễn thâu nạp cho lãnh chức An-dương Cai-thầu, sau dời ra Qui-Nhơn, Qui Hóa làm chức «Chấp canh tam trường Cai-đội».

Khi thân-phụ mất, thì cụ Trịnh mới được 10 tuổi, nhưng cụ có chí ham học. Vì nhà bần chật, thân-mẫu cụ mới dời về ở Phan-yến-trấn, rồi cho cụ học với Võ-Trường-Toàn tiên-sanh.

Năm Mậu-thân (1788), lúc chúa Nguyễn-Ánh khắc phục Gia-định rồi, thì cụ cùng Lê-quang-Định và Ngô-Nhân-Tĩnh được tiến cử ra phò vua. Cụ lãnh chức «Hàn-lâm-viện ché-cáo». Năm sau cụ coi việc ruộng rẫy về huyện Tân-Bình, khuyến dân lo nông-tăng, rồi dời qua Hình-bộ lãnh xem xét văn-án và giúp luôn chánh-sự. Sau cụ được sung chức «Đông-Cung-Thị-Giảng», theo Đông-Cung ra trấn Diên-khánh. Chừng Đông-Cung tấn binh đánh Phú-Yên, thì cụ lãnh coi việc cơ-mật dưới trường.

Năm Giáp-dần (1794), cụ lãnh chức Kỳ-lục Trấn-định-dinh. Sau cụ thăng chức «Hộ-

bộ hữu Tham-Tri», thường theo quân coi việc chở chuyên và cấp binh lương.

Năm Tân-dậu (1801), mùa hạ, thâu phục Phú-xuân rồi, vua sai cụ Lê-văn-Duyệt, Tống-viết-Phước đem binh giải vây Qui-Nhon, thì cụ Trịnh theo vào Quảng-Nam, Quảng-Nghĩa, lo thâu lúa gạo để nuôi binh lính.

Năm sau, tháng 5, vua lập Lục-bộ Thượng-Thor, mời thăng cụ Trịnh lên chức Hộ-bộ Thượng-Thor, rồi sung cụ làm chánh-sứ đi sứ nhà Thanh, với Binh-bộ Tham-tri Ngô Nhân-Tĩnh và Hình-bộ Tham-tri Huỳnh-Ngọc-Uần làm Phó-sứ. Sứ-bộ đi hai chiến-thuyền hiệu « Bạch-yến » và « Huyền-bạc », đem quốc-thor với phẩm vật, cùng ấn sách của Tây-sơn qua đưng cho Thanh-triều, lại giải luôn bọn cướp biển là Đông-bãi-vương Mạc-quan-Phò với Thống-binh Lê-văn-Canh và Phan-văn-Tài, Sứ-bộ vào Việt đông Hồ-môn-quan, Tống-độc Lương-quảng hay tin bèn cho triều-đình hay. Thanh-Đế dạy sứ-bộ đi ngã Quảng-Tây mà lên Kinh. Kế nghe đoàn sứ-bộ Lê-quang-Định đi thích phong sẽ qua tới, nên sứ-bộ cụ Trịnh lưu tại Quế-châu mà chờ rồi đi một lượt, đi thuyền lên Hồ-Bắc, Hôn-Dương, Hôn-Khâu, mới lên bộ đi ngã Vạn-lý-trường-thành, Cê-Bắc-khẩn, Nhiệt-Hà.

Năm Gia-Long thứ 3 (1804) lễ phong xong rồi, cụ Trịnh lãnh bộ Hộ lại như cũ, cụ Trịnh coi về thâu, còn cụ Nguyễn-kỳ-Kế, cũng là Hộ-bộ chánh-khanh, thì coi về xuất.

Năm Gia-Long thứ 4 (1805) cụ Trịnh làm Hiệp-hành Gia-Định lưu trần.

Năm Gia-Long thứ 7 (1808) Gia-Định-trần cải làm Gia-Định-thành, Nguyễn-văn-Nhân lãnh chức Tổng-trần thế cho Nguyễn-văn-Trương, thì cụ Trịnh làm Hiệp-trần.

Năm Gia-Long thứ 11 (1812) cụ về Kinh dự lễ Ninh-lăng của Hiếu-Khương Hoàng-hậu, thì được dời làm Lễ-bộ Thượng-Thor kiêm quản Khâm-thiên-giám.

Năm Gia-Long thứ 12 (1813) dời làm Lại-bộ Thượng-Thor.

Năm Gia-Long thứ 15 (1816), dời làm Gia-Định Hiệp Tổng-trần.

Năm Minh-Mạng nguyên-niên (1820), Nguyễn-văn-Nhân về Kinh, thì cụ Trịnh quyền lãnh Tổng-Trần sự vụ. Đến mùa hạ, cụ được chiếu triệu về Kinh ảnh Lại-bộ nữa. Cụ tâu với vua về ý nghĩa của thuyết « vô-vi ». Cụ nói nếu muốn « vô-vi » thì trước phải « hữu-vi ». Cụ lại dẫn lễ nhà Châu mà bàn về sự truy gia, cứ lấy lời ngay mà tâu, bởi vậy vua lấy làm vừa lòng.

Năm ấy cụ Trịnh sung chức Sứ-quan Phó Tổng-tài, sau thăng Hiệp-biện Đại-học-sĩ,

lãnh Lại-bộ Thượng-thor kiêm Binh-bộ Thượng-Thor.

Thuở nay ban văn-quan chưa có ai thọ nhứt phẩm. Vua Thánh-Tổ muốn thăng cụ Trịnh lên nhứt phẩm, bèn hỏi ý đại-thần, thì Nguyễn-văn-Nhân, Nguyễn-đức-Xuyên đều tâu được. Cụ Trịnh nghe việc ấy liền dâng biểu xin từ. Vua phải can lời khuyên dụ cụ mới chịu tỵ chức.

Khi vua đi Bắc-tuần trở về, thì cụ Trịnh dâng hai bộ sách « Lịch-đợt-ky » đã làm xong, một bộ « Nguơn-khương » một bộ « Tế-lục ».

Năm Minh-Mạng thứ 3 (1822) vua mở hội-thi kêu là ân-khoa, dạy cụ Trịnh làm chủ khảo. Chứng đến điện-thi, cụ lại sung « Độc-quyện-quan » để đọc bài thi cho vua nghe. Đến mùa thu cụ dâng biểu tâu rằng quốc-gia tuy an, nhưng chẳng quên việc chiến đấu, cụ xin sắp đặt võ bị. Vua phê theo lời cụ xin.

Vả cụ Trịnh không có nhà riêng. Vua hay việc ấy bèn cấp tiền, cây, ngói, gạch cho cụ cất « Qul-viên » ngoài Đông-môn.

Sau cụ lại lãnh coi luôn Lễ-bộ Thượng-Thor.

Năm Minh-Mạng thứ tư (1823) cụ già lại có bệnh, nên dâng biểu xin nghỉ để do đường biển mà về Gia-định, vì như rui có chết thì được nằm tại cố hương. Cụ lấy có vợ chết chưa táng, còn mắc tại tang không ra nuôi dưỡng cụ được; cụ dùng lời thống thiết mà khẩn cầu. Vua cảm động, sai Lễ-bộ Phạm-Đặng-Hưng đến thăm mà cảm cụ ở lại, nói rằng cụ có công lớn với Triều-đình, lại có lòng trung thành mịnh đạt. Cụ về thì vua lấy làm thương tiếc. Việc vợ chết, ấy là gia-tình, ai cũng đau đớn, nhưng biết tâm sao. Vả hiện nay cụ bệnh nhiều, đi đường chẳng tiện. Hay hơn là cụ ở lại Kinh mà tinh dưỡng, đưng lo đến bộ-vụ nữa, chừng mạnh khỏe sẽ đi về thăm nhà. Kiết nonh thiên tướng, chắc cụ sẽ mạnh. Vì dầu có bề nào đi nữa, cụ là vị đại-thần chớ không phải một tên dân bèn mà sợ không nắm được nơi cố-hương như ý muốn. Vua bèn dạy giải hết công việc bộ Lại và bộ Lễ cho cụ và ban sấm quế cho cụ đưng bệnh.

Đến mùa đông, cụ mạnh, đưng biểu tạ ơn vua và lãnh làm việc lại, song 10 ngày sau thì cụ dâng biểu xin nghỉ 3 tháng để về thăm nhà. Bất đắc dĩ vua phải cho.

(Coi tiếp qua trang 13)

Hy-vọng của Nguyễn-Du

Mở đầu câu chuyện « lai lịch sách «Kiều», ông Đào-duy-Anh có viết: « Khi nhỏ tôi từng nghe xung quanh người ta bàn về truyện Thúy-Kiều « nói rằng Nguyễn-Du tùy dịch một quyển « tiểu thuyết tàu thành truyện ấy, nhưng « trong tiểu thuyết tàu thì đến chỗ Thúy-Kiều « tự trầm ở sông Tiền-Đương là kết, Nguyễn-Du thấy sự tích như thế quá thảm quá « sai » nên đã thêm vào đoạn « tai ngộ Kim-Trọng » để thành một truyện « có hậu ». Ý « kiến ấy chỉ bằng cứ vào truyện thuyết, « nhưng đã được phổ thông trong nước rất « rộng, cơ hồ, trừ một số ít học giả có chủ « kiến, phần nhiều người đọc Kiều đều tưởng « như vậy cả ».

« Có lẽ vì ảnh hưởng vô hình của truyện « thuyết ấy mà Phạm Thượng-Chi tiên sanh, « trong một bài nghiên cứu viết khi còn trẻ đã « nói rằng Nguyễn-Du viết sách « Đoạn-trường « tân thanh là dựa vào một truyện nền chép « sự tích Vương Thúy-Kiều của « Dir-Hoai tự « Đàm-Tâm ở tập sách « Ngu-sơ-tân-chí. Truyện « ấy chỉ có mấy trang; theo đó thì Vương « Thúy-Kiều là người có thực. Nàng quê ở « Lâm-chủy bị bán gả cho con hát từ thuở « nhỏ, thường bị gọi là Kiều-Nhi, người xinh « đẹp, khiếu thông minh, hát hay, giỏi đàn sáo, « nhưng tính tình nhả đậm, không khéo thuật « tiếp khách nên thường hay bị đánh. Sau có « người tên là La-Long-Vân mua Kiều-Nhi rồi « đem cho bạn mình là tay tướng cướp Từ-Hải « làm con hầu. Được ít lâu Từ-Hải bỏ đi rú « bọn nuy nó vào cướp đất Giang-Nam, nhân « thế mà bắt được người con hát, trong ấy có « Thúy-Kiều. Từ-Hải lấy Thúy-Kiều làm vợ rất « thương yêu, thường cho dự bản vào việc « quán cơ. Chính Kiều đã gây nên cuộc thất « bại cho Từ-Hải sau này, vì nàng muốn về quê « nên xui Từ-Hải hàng với Hồ-Tôn-Hiển. Hải « bị Tôn-Hiển lừa, bị giết, còn Kiều thì bị ép « hầu nuy Tôn-Hiển rồi lại bị ép gả cho từ « trường Vinh-Thượn. Kiều không chịu được « xấu hổ tự-trầm ở sông Tiền-Đương. » (Bản « Đường số 3, năm 1941).

Theo ông Đào duy Anh, đó chỉ là một sự ngộ nhận; quyển sách tàu mà Nguyễn-Du bắt chước theo để viết nên Kim-Vân-Kiều chính là « Kim-Vân-Kiều truyện », tác giả là Thanh Tâm tài nhân (Bản viết ở trường Bác cổ thì lại để tên tác giả là Thanh Tâm tài tử) mà xưa nay người ta vẫn gọi lầm là « Sách » Thanh Tâm tài nhân, lộn tên tác giả làm tên sách (xem Bản Đường số 3, Năm 1941).

Nguyễn-Du vì cảm cái cảnh ngộ của người chủ động là Vương-Thúy-Kiều, một giai nhân tuyệt sắc vì gia biến mà phải ôm mối cô-trình lưu lạc vào một cuộc đời gió bụi, nên mượn việc người mà « nói » chuyện mình, giải bày với hậu thế tâm sự của người tới trung tài hoa và danh vọng của nhà Lê gặp cơn quốc biến mà đành phải ôm mối cô trung về làm tới triều khác, để đào tạo một áng văn chương kiệt tác là tất cả cái hoa-lệ của lâu đài văn-học Việt-Nam.

« Bản sách ấy dày 136 tờ khổ 130x210, « giấy tàu (thứ giấy người Tàu dùng để in « sách), do nhà Quán-hoa đưng xuất bản... « Nhan đề của bản ấy, là Quán-hoa đưng « bình-luận Kim-Vân-Kiều truyện. Sách chia « làm bốn quyển. Ở đầu mỗi quyển, ngoài « cái nhan đề như trên chép lại và số mục « của mỗi quyển còn có một bảng ở trên đề « mấy chữ « Thanh-Thần ngoại thư » ở dưới « hồng thứ hai lại có mấy chữ « Thanh-Tâm « tài nhân biên thư » tỏ rằng tác giả chỉ đề « biệt hiệu là Thanh-Tâm tài nhân. Hàng thứ « ba là số mục của hồi. Cả thấy có 20 hồi (1), « ở mỗi hồi trước chính văn thì có một câu « đối làm tiêu đề của hồi, như phần nhiều « của các tiểu thuyết tàu, khảo rồi đến bài « bình luận. (Theo Đào-duy-Anh)

« Ông Đào-duy-Anh có phân tách cốt chuyện « của Kim-Vân-Kiều truyện (của Thanh-Tâm « tài nhân) thấy có chỗ giống Kim-Vân-Kiều « (tân) truyện (của Nguyễn-Du) đoạn cuối « như thế này: « Đến khi Thúy-Kiều mãn « kiếp khổ sở thì tác giả lại cho nàng gặp « Đàm-Tâm ở sông Tiền-Đương để báo cho

« nàng biết rằng cái ngày khổ tận cam lai đã đến — Thúy-Kiều đã là người tài tình như thế thì Kim-Trọng cũng phải là người chí tình cho nên trong 15 năm trời, Kim-Trọng đâu lấy Thúy-Vân mà không quên được tình nhân. Nhưng Từ-Hải cũng phải là người xứng đáng với Thúy-Kiều cho nên tác giả biến hẳn anh tướng cướp gian hùng thành một vị từ trường cát cứ, ngang nhiên đương đầu với Triều đình. Ấy, truyện Vương-Thúy-Kiều đã trải qua ngòi bút của Thanh-Tâm tài nhân mà thành như thế mới có thể cảm xúc Nguyễn-Du được ».

Tôi chỉ tiếc rằng ông Đào-duy-Anh không có nói rõ coi rốt cuộc Thúy-Kiều có tái hiệp cùng Kim-Trọng chăng. « Cái ngày khổ tận cam lai đã đến » phải chăng, có cái ý nghĩa rằng Thúy-Kiều đã đến xong « 15 năm bọ dơi » và trở lại cùng chàng Kim, toại lưỡng cảnh lạc thú ? Nhưng đầu Thúy-Kiều không có gặp lại Kim-Trọng mà cụ Nguyễn-Du thêm tấc vào đề thành một truyện có hậu (theo Trương-Chi) hay Kim-Vân-Kiều truyện có thật cái cảnh tái hiệp ấy đi nữa, tôi nghĩ cũng nên chú ý đặc biệt đến đoạn chốt của « Kim-Vân-Kiều » của cụ Nguyễn-Du.

Ai cũng biết cái cảnh « tái tình lạc mạng » của cụ Nguyễn-Du và đời sau vẫn hằng nhắc nhở đến *tâm sự di thần*, thống thiết, não nề, của một kẻ bất đắc chí, sống một cuộc đời linh thân loạn lạc đã cố *đánh-ôm* mới *sầu uất ức* mà *chôn tên giấu tiếng* ở *chôn thôn quê* (2) lại phải bị lôi ra « *biên hoạn* » để chịu bênh hông đè ép. Ai cũng biết chánh cụ đã có ý vì cảnh ngộ cụ với cảnh ngộ đa truân của nàng Kiều, một tuyệt thế giai nhân đã vì tài sắc mà hạ chim bẫy nài, phông trần dờn dập mười mấy năm trời. Nhưng một người như cụ, như cụ Kiều — sống ở trong cảnh khổ, cam danh với đời khổ — há chẳng nuôi rặng trong lòng một hi vọng gì ở ngày mai ?

Cô Kiều đã nuôi nấng cái hi vọng ngày kia tái hiệp cùng chàng Kim — cái hi vọng ấy cụ Nguyễn-Du đã cho thành sự thật — thì cụ Nguyễn-Du cũng ôm ấp nơi thâm tâm một hi vọng lớn lao: Cụ ao ước một cách nồng nàn ngày kia để nghiệp nhà Lê được vũng lại trên ngôi cũ ngũ. Cái cảnh cô Kiều tái hiệp chàng Kim chán là cái cảnh vua Lê Chiêu Thống trở về vương vị ; cụ Nguyễn-Du đã lấy ý đó làm đoạn chốt của Kim-Vân-Kiều. Chẳng những cụ muốn lưu lại đời sau tâm sự của cụ, cụ còn muốn cho hậu thế hiểu được

sự thào mắc của cụ đối với tiền đồ Lê triều, hiểu rằng bao giờ cụ cũng có cái hi vọng nhà Lê được phục quốc.

Đầu truyện Kiều của người Tàu có hay không cái đoạn chốt ấy, truyện Kiều của Nguyễn-Du phải có cái cảnh đản viên đầy đầy hạnh phúc : cái cảnh ấy không phải để giải nghĩa cái thuyết nhơn quả, cũng không phải để đặc thương nàng Kiều đã bị vì hễu bản mình chuộc cha, nó phải lẽ và chỉ phải là tất cả cái hi vọng của cụ Lê-Như đối với Lê-Triều. Cái hi vọng ấy há chẳng là một trong những nguyên nhân đã khiến cụ Tiên Điền viết nên Kim Vân Kiều sao ?

Phân tách tâm sự của cụ Nguyễn Du, hiểu giùm rồi thống khổ của cụ mà không biết được cái hi vọng ấy của một di thần triều Lê, thiết nghĩ cũng là một sự thiếu sót vậy.

TRÚC-THÂN
(Tây đô — Sept 43)

(1) Phải chăng ông Song Cối đã nói đến trong bài « Một danh sĩ xưa chia bởi truyện Kiều và phê bình nàng Kiều thế nào ? » (Tạp Tân số 63 và 79) ?
(2) Nguyễn-Du vẫn lập họạ, trang 15.

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI-VIỆT

- 1) Cư Kinh (tiểu thuyết) của Hồ Biểu-Chánh . . . 0,70
 - 2) Pétain Cách Ngôn, Á Đông Triết Lý Hiệp Giải của Đặng-thúc-Liêng và Hồ-vân-Trung . . . 3,00
 - 3) Tiểu Phù-Viên, Hán-Văn, Thi-Văn toàn tập của Đặng-thúc-Liêng . . . 0,50
 - 4) Nền Luân Lý Việt-Nam của Lê-chí-Thiệp . . . 0,50
 - 5) Những lời thường lầm trong sự học Quốc văn của Đông-Hồ và Trúc-Hà . . . 0,50
- Mới xuất bản : Huấn Tữ Ca của Nguyễn-viên-Kiều . . . 0,25
- Hang in : 1) Luân Lý Đạo.Nho của Trúc-Hà . . . 1,50
- 2) Con nhà Hoang của Thân-Vân Nguyễn-văn-Quy

Trà lời ông
Ng.-hữu-Ngư
về bài

Vọng-cô

TRONG tờ « Nam-kỳ » số 45, tôi có viết bài nói về chỗ người ta hay lên án bài ca vọng-cô một cách sai lầm.

Người ta giận những bài vọng cổ với lời ca uỷ-mị, không có một chút văn chương, rồi vì không kịp xét suy, họ bảo nên giết quách bản vọng-cô đi.

Tôi thì không chịu vậy. Tôi nói có lên án thì cứ lăm tội những ông học không đầy là mọt, những người vì trục lợi kéo dài bản vọng cổ ra và đặt những bài ca tình hết cần chuyên đến câu nói với những lời văn bá láp bá xam đầu NGŨ mình SỞ ẤY.

Chớ bản đơn Vọng-cô lại có tội tình gì mà người ta đòi ăn thua với nó, ngay khi những kẻ ấy lại để yên những bản Nam-ai, Cửu-khúc, trường Tương-tư ? v.v.

Tôi kết luận có nói rằng bản vọng-cô đừng kéo nó dài nhằng ra, ta có thể dùng lời hùng-hồn mà phổ theo âm điệu của nó được, và bài ca vọng-cô nếu khéo đặt-đề nó thì nào có phải là bài ca uỷ-mị, đưa thanh-niên vào vòng truy lạc đâu ?

Ông Nguyễn-hữu-Ngư trong tập « Nam-Kỳ » số 48-nói là đề-góp ý-kiến với tôi, song lại công-kích tôi về chỗ kết-luận ấy. Và phía trên thì vậy nhưng lời gần đoạn chốt, tôi nhận thấy ông lại phản-ông, vì lẽ ông không biết cầm tôi cây đờn, ông chỉ nghe lời một người bạn mà viết theo.

Ai biết đờn khà một chút — vì muốn đờn bản vọng-cô nghe cho được không phải dễ — cũng phải nhìn nhận rằng kéo dài nhịp bản vọng-cô ra chừng nào thì âm-diệu nó du-dương ru-ngủ chừng nấy.

Bớt nhịp nó lại như xưa thì lời ca gọn gàu hơn nhiều và cũng không có khóc, than như những bài ca : *Em có thác đi rồi....., Trót đã giăng hồ... v. v.*

Tôi nói như thế, những người không biết liu công ở chỗ nào cũng có thể lãnh hội được một cách dễ dàng. Ai thử chịu khó ngồi lại âm điệu và lời ca của bài vọng-cô xưa, như bài « *Từ phu trường* » chẳng hạn, — tôi muốn đưa ra bài ca này vì được nhiều người

biết-với bài ca bản đơn vọng-cô cao-su bảy giờ thử xem nó xa cách với nhau như thế nào? Với bản vọng-cô kéo dài (bòn như một số nhạc-sĩ chạy theo tiếng gọi của nhân-sanh bảy giờ đờn đờ, thì quyết không thể đem lời-hùng-tráng phổ vào âm điệu bản đơn của họ được. Nhưng với bản đơn xưa chuyện ấy không khó khăn gì.

Bằng chứng là hai bài ca vọng-cô đặt theo lối xưa về hai bà Trưng dăng trong số Tết *Thần chung* thì phải, có đủ điều-kiện cho tôi vịn vào đó mà làm nòng cốt.

Một anh hùng thất-chí, một chí-sĩ uất-ức, lời than họ phổ vào âm-diệu du-dương không cảm được kẻ khác sao ?

Lời khi-phê-chỉ đi nhịp với âm-diệu du-dương, tôi tưởng cảm kích con tâm của người — có kém gì lời hùng hồn đi nhịp với âm-diệu hùng-hồn.

Nói như ông Ngư, âm điệu vọng-cô không thể đem lời hùng-tráng mà phổ vào là vì ông không biết âm nhạc, không rõ được âm điệu của bản vọng-cô xưa và nay. Ông cho « *nó quá uỷ mị, nó gọi sầu kêu thảm quá, làm nhạt chí khí, làm mềm tánh tình của tuổi thanh-xuân* » là vì ông chỉ có nghe những bài bản vọng-cô kim-thời trên 30 nhịp và đương thanh-hành đó.

Ở đời việc gì cũng thế, có xưa mới có được nay. Ông Ngư rên rỉ rằng không phải như thế thiết ở trong trường hợp nào cũng đưa ra những bản đơn-lời ca mới hết. Ông đừng có bắt một người anh hùng thất chí hát theo điệu « *thanh-niên* » hay « *Bạch đằng giang* » trên sân khấu.

Tôi can ông cái việc không ché bản vọng-cô nhưng lại đòi tra vào chơn trượng nó 4 bánh xe rồi đẩy vào viện Tàng-cổ.

Ông nên biết phân biệt bản vọng-cô xưa và kim thời, nhiên hậu sự nhận xét của ông mới không sai lầm.

Một số tôi tôi sẽ dùng lời hùng hồn đặt một bài ca vọng-cô để làm bằng-cớ cho lời nói của tôi.

CÔNG-MINH
(Nam-kỳ Văn-đoàn)

VII. - Quà Bến-tre

Rở lại Cái-mơn, chúng tôi ghé xem bi-đình kỷ-niệm nơi chôn nhau cắt rún của cụ Sĩ-Tái Trương-vĩnh-Ký (1837-1898), nhà thông-hải có một không hai của đất Việt trong thời-kỷ cận-dại.

Bi-đình dựng bên đường đi Cái-nhum, kiến-trúc có phần đẹp mắt với hình vương-vực, trống cá bốn bên, với những gác cột to kê trên tán đá hình bông sen, với mái xiêu xiêu và từng lầu có lang can giả giữa là một tấm bia đá lớn chạm trổ trên khúc ngày sanh và ngày tử của cụ Trương-vĩnh-Ký.

Bi-đình này dựng năm 1937, nhơn dịp lễ bách-châu-niên ngày sanh của cụ Sĩ-Tái.

Hai chữ « Pétrus Ký » không còn lạ gì đối với chúng ta. Kể có học, từng đọc sách báo thì tức-nhiên đã biết qua thân-thể và sự-nghiệp của cụ Sĩ-Tái. Người không học có dịp đi Chợ-quán thấy ngôi mộ lớn, đến đại-lộ Norodom thấy tượng đồng nghiêm trang, hoặc có con em đi học, ắt cũng từng nghe nói tới hai chữ Pétrus Ký.

Cụ Sĩ-Tái sanh trong một gia-đình giữ đạo Gia-tô đã nhiều đời, sống tuổi thiếu-niên trong các trường học đạo. Đến năm 22 tuổi (1859), gặp buổi giao-thời của hai cái văn-hoá Đông-Tây, cụ ra gánh vác một phần việc đời và đem sở học ra giúp cả hai nước Pháp-Việt trong hồi sơ ngộ. Công-nghiệp của cụ rất lớn. Từ xưa đến nay, người Pháp lẫn người Việt, ít nhiều ai cũng có thọ-hưởng cái sự-nghiệp trừ-tác của cụ. Thanh danh của cụ bay ra tận nước ngoài còn làm rạng vẻ giống nòi đã nảy sanh ra một nhà bác-học kỹ-tại mà tên tuổi đáng lưu lại ngàn đời vạn kiếp (1).

Từ Cái-mơn qua Bến-tre chúng tôi đi ngã Ba-vát để tìm nơi Tân-chánh-vương bị Tây sơn bắt năm Đinh-dậu (1777). Theo sách sử, chỗ đó là chùa Linh-quang.

Nhưng Linh-quang tự ngày nay, ở về làng Phước-mỹ-Trung, quận Mộ-cây, trên con đường Bến-tre Ba-vát, không phải là Linh-quang-tự ngày xưa. Dấu vết cảnh chùa xưa chỉ còn cái nền cũ, trên đó đã cất nhà bảo-sanh của làng Phước-mỹ-Trung. Chính đó mới thật là Tân-chánh-Vương ẩn náu và bị bắt. Bằng cơ là hiện nay, phía sau nhà bảo-sanh, còn cái tháp của vị Hòa-thượng tổ xây dựng Linh-quang-tự.

Chùa Linh-quang mới, cất trên một khoảng đất rộng, xéo ngang và cách nền chùa cũ độ hai



trăm thước. Vào chùa chúng tôi chú ý quan-sát, xem còn sót lại vật chi kỷ-niệm ngày giờ ngàn-ngũ mà Mục vương đã nương cửa Phật để tránh quân thù. Hoài công ngoài vài cái chậu sứ và một tượng Hộ-Pháp cao lớn, không còn di-tích chi khác của thời xưa!

Quanh vùng Ba-vát có nhiều ngôi mộ cổ; nhưng mộ-bia không còn, hoặc còn thì chữ đã mờ, thành thử không biết chắc được đó là nơi an nghỉ của ai. Những ngôi mộ ấy kiến-trúc khác nhau, kẻ cũng đắp kê vào hàng cồ-tích. Khôn nỏi, cây cỏ bao trùm; người đời bỏ phế; thậm chí họ còn phá-phách, vó tâm làm dơ bản dấu củ của người xưa. Thậ-đau lòng và nhục nhã cho hậu sanh đối cùng tiền nhơn đất nước.

Ghé châu thành Bến-tre nghỉ một vài giờ, chúng tôi liền đi vào làng Bảo-thanh viếng mộ cụ Phan-thanh-Giản (1796-1867). Thoạt tiên chúng tôi rất đỗi ngạc-nhiên trước một ngôi mộ không còn nguyên vẹn về xưa. Hồi ra mới hay là người ta vừa sửa chữa lại trong năm 1929 và sửa chữa theo ý người ta. Chúng tôi xin miễn tá ngôi mộ của cụ Phan. Tá làm chi những lớp xi-măng và gạch mới cùng những nét vụng về, những hình hoa sen không có gì là mỹ-thuật.

AVIS D'APPEL BUDGET

Lieu, date et heure de l'Appel d'Offres
Bureau de l'Ingénieur en Chef de la Circonscription des Travaux Publics de Cochinchine à Saigon, le 9 Septembre 1943 à dix heures.
OBJET - Construction de 3 logements pour Fonctionnaires Européens. (1 villa double et 1 villa simple) à l'angle des rue Legrand de la Liraye et Pierre Flandin.



Phan-thanh-Giản, hiệu Lương-Khe là vị tẩn-sĩ đầu tiên của xứ Đồng-Nai, Thi đậu năm Bính-tuất (1826) Minh-Mạng thứ 7, cụ ra làm quan tại Kinh. Sau có thuyên-chuyển đi nhiều nơi và chót bặt cụ lãnh Kinh-lược-sứ ba tỉnh phía-tây Nam-kỳ. Trái một đời p ó vua giúp nước, cụ Phan-thanh-Giản giữ tròn-trọng-sạch cho lương-tâm và luôn luôn tận-tình với chức vụ. Đến ngày-cùng, năm 71 tuổi (1867), cụ can-dảm lấy cái chết trả nợ quân vương. (2)

Cách mộ cụ Phan-thanh-Giản độ 500 thước là mộ cụ Võ-trương-Toán, một bực Hậu-tổ của xứ Nam-kỳ. Ngôi mộ nhỏ và tầm thường lấy giữ chặt tâm xương khô của một nho-gia lỗi-lạc mà tiếng tăm và ảnh-hưởng vang khắp non sông và lưu lại mấy đời. Danh lợi không màng, cụ chỉ dề tâm vào việc đạo tạo anh-tài cho tổ-quê, Gia-định tam gia-thị Trịnh-hoài-Đức, Ngô-nhân-Linh và Lê-quang-Định đều là học trò của cụ, cả vị anh-bùng Ngô-tùng-Châu. Cụ mất năm nhâm-tí (1792) tại Hoà-hung (Gia-định). Qua năm Bính-dần (1866) môn-sanh cụ cải táng về làng Bảo-hạnh (Bến-tre).

Hôm sau, chúng tôi qua làng An-Đức viếng mộ cụ Đồ Chiểu, tác-giả Lục-Vân-Tiên. Mộ

IL D'OFFRES LOCAL

Importance approximative des travaux 67.280 \$ 87
Le cautionnement provisoire est fixé à la somme de 1.000 \$ 00
Le cautionnement définitif est fixé à 1/30 du montant des travaux après résultat d'Appel d'Offres.
Bureau où le dossier peut être consulté: Arrondissement des Bâtiments Civils.

ở cách chợ Ba-tri độ ba cây số ngàn. Mộ song hôn, kiêu thường, chung quanh có cần đá, trét xi-măng. Mộ chi bằng đá xanh ghi rõ chỗ an nghỉ ngàn năm của ông đồ và bà đồ.

Đời cụ Nguyễn-dinh-Chiêu là một đời đau khổ lẫn phần xác và phần tinh-thần. Công danh lỡ dở, chữ Hiếu chưa đền, lại mang tật mù loa giữa đời nước nhà hữu sự. Bao nhiêu đau khổ dồn dập kết thành một « nổi lòng » mà người sau nên lấy làm gương xử thế. Quyên thơ Lục-Vân-Tiên còn thì tên tuổi Nguyễn-dinh Chiểu còn. Tên tuổi Nguyễn-dinh-Chiêu còn thì gương tiết-thảo của cụ cao treo còn tỏ rạng trong tâm-khảm của người dân Việt. (3)

Tiền đường chúng tôi bèn đi Hương-diêm mà cách một trăm năm nay là một cái chợ nhỏ do ông Hương-chủ Trần-văn-Điêm lập ra.

Từ chợ Hương-diêm, theo đường lộ đá rất xấu, chúng tôi ra quán Cái-mít, xa độ năm cây số ngàn. Nơi đó có mộ của mẹ và vợ con Khâm sai Chương-dinh Trung-quân Phó-tướng Long-vân-hầu Trương-tấn-Bữu (1752-1827).

Trương-hầu người Cái-da, làng Hiệp-Hung (Bến-tre) là một vị công thần của vua Gia-Long. Ngài đã lập được nhiều chiến công rực rỡ và hai lần giữ chức Phó-tổng-trấn Gia-định thành với Tả-quân Lê-văn-Duyệt. Mộ của Trương ở về làng Phú-nhuận (Gia-định).

Những ngôi mộ của mẹ và vợ con Trương-hầu đều xây hình ngưu-mạnh, có vòng thành rộng lớn bằng đá đỏ và ó-dược, phía trước có bình phong cao.

Từ đây, theo đường lộ đất, chúng tôi lội bùn có chỗ tới đầu gối và như thế hơn hai cây số ngàn để đi tới ngọn Cái-da xem mộ của cha Trương-hầu. Ngôi mộ khá lớn, kiêu thường, có bình phong. Phía sau mộ có cái miếu cây trôm.

Nền miếu ấy là nền nhà của Trương hậu và cũng là nơi mà năm Đinh-vị (1787) vua Gia-long chạy tới và được gặp họ Trương.

Mặt trời vừa đứng bóng, trên thì nắng như lửa đốt, dưới thì hơi bùn bốc lên, chúng tôi vai mang hành-lý, hối hả cho kịp xe về tỉnh lỵ Bến-tre để ngảy mái khởi hành sớm qua Mỹ-tho, đúng theo chương-trình đã định.

(Còn nữa) Khuông-Việt

(1) Xem lại N. K. số 50 ngày 2-9-43.
(2) Xem lại N. K. số 46, ngày 5-8-43.
(3) Xem lại N. K. số đặc-biệt ngày 26-6-1943.

LIÊN-ĐOÀN CHIẾN-SĨ

(30 Aoút 1943)

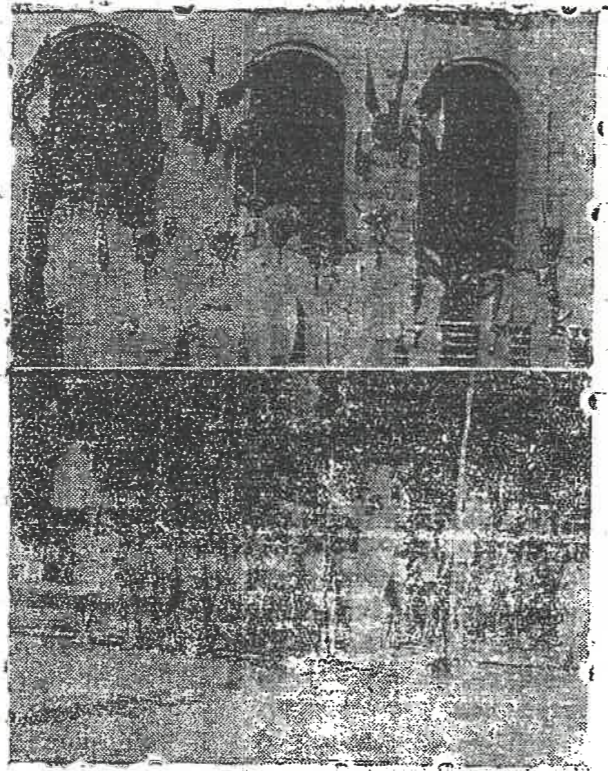
CÙNG như bên Pháp, ngày 30 Aoút 1943, ở Saigon, Hanoi, Nam-vang đã cử hành cuộc lễ kỷ niệm năm thứ ba ngày thành lập Liên-đoàn Chiến-sĩ Quốc-gia Cách-mạng long trọng khác thường. Các sở công, tư ở các đô thị kê trên trong ngày ấy đều có treo cờ tam tài rực rỡ.

Từ 6 giờ 45 sáng đã có cuộc lễ ở các Nhà-thờ, các Thượng quan văn võ và các chiến-sĩ đến dự đông đủ. Sau đó các quan đem tràng hoa đến đặt tại chôn đài chiến-sĩ trận-voi, liếp rước và chào mừng là cờ, từ Hội-quán Cựu chiến-sĩ rước lại, và giàn kèn liên trời bản « Sonnerie aux Morts ».

Lễ kỷ-niệm năm này có lẽ cử hành ở Saigon là long-trọng đặc-biệt hơn hết. Quan Toàn-quyền Jean Decoux đã từ Dalat xuống chủ tọa cuộc lễ và đọc một bài diễn văn có truyền thanh cùng khắp Liên-bang Đông-Pháp.

Tám giờ hôm ấy có gần 4.000 chiến-sĩ tụ họp trước dinh Đốc-lý Saigon. Quan Toàn-quyền, quan Thống-đốc Nam-kỳ, quan Quận-trưởng Parisot, quan Tư-lệnh Lục và Thủy-quân và các nhà tại mặt trong thành phố đồng đến dinh Đốc-lý.

Cuộc lễ cử hành. Quan Quận-trưởng Parisot đọc một bài diễn văn, kể vị Thủ-hiến Đông-



Cliché « Dân-Báo »

1. — Sau khi dự lễ ở dinh Đốc-lý, quan Toàn-quyền ra về. Bên tả là quan Quận-trưởng Parisot, bên hữu là quan Thống-đốc Hoeffel.
2. — Đoàn thanh-niên Thể-thao Địa-phương chào Đại-tá Ducoroy tại Place Rigault de Genouilly.

Pháp đứng trước máy truyền thanh, đọc một bài diễn văn khá dài.

Quan Toàn-quyền nói: « Chính dưới cái biểu hiệu thống nhất mà ngày kỷ-niệm và hì-vọng hôm nay phải tràn thiết. Thống nhất là mối lo trước hết của Quốc-trưởng và cũng là điều kiện cốt yếu để cho chúng ta phụ hưng và thành công ».

« Liên-đoàn không phải là một đảng phái chánh-trị, cũng không phải là một hội chiến đấu. Nó vốn là một cơ quan thống nhất Pháp, gom nhóm những người hữu chí quyết tâm giúp Thống-chế tái tạo Pháp-quốc... »

Quan Toàn-quyền dứt lời, tức là cuộc lễ bế mạc. Ngồi bước ra khỏi dinh Đốc-lý thì quan Quận-trưởng Parisot cũng tuyên bố giải tán cuộc lễ hiệp-

ĐỌC «NAM-KY» CHƯA ĐỦ
mà còn phải đọc
«ĐẠI-VIỆT-TẬP-CHÍ» nữa

GIA-ĐÌNH XŨ-SĨ

(Tiếp theo trang 6)

Năm Minh-Mạng thứ 5 (1821) cụ Trịnh trở ra Khab, lãnh bộ Lại và bộ Lễ như cũ. Qua mùa thu, lãnh làm Ngọc-phổ Tổng-tài, và coi luôn về việc thương-thuyền.

Năm Minh-Mạng thứ 6 (1825), mùa xuân, cụ mất, hưởng thọ 61 tuổi.

Vua Thành-Tổ lấy làm thương tiếc, bãi triều 3 ngày, ban số sa gấm lụa dầu cهن, tặng « Thiệu-Phổ Cầm-Chanh-Điện Đại-Lạc-sĩ », cho tể nội thần, đến ngày tang lại phải Hoàng-tử đến mà đưa linh-cữu. Cúng linh-cữu về tới Gia-đình, cụ Lê-văn-Duyệt bốn thân đến, diếu tang, cụ nói: « Trịnh-Hiệp-Biện là người khải đời nay ».

Lấy đó mà suy thì đủ biết tư vua đặt quan đều trọng cụ Trịnh.

Năm Tự-Đức thứ 5 (1851) cụ Trịnh được thờ trong miếu Trung-hưng Cờng-thần, qua năm thứ 11 (1857) lại được thờ trong Hiền-Lương-từ.

Sử biên cụ Trịnh-Hoài-Đức là người cần thận, phong độ trầm chỉnh, học vấn bát hạp, nghị-luận thường trúng đại thể, đức nghiệp văn-chương được giúp cho đời nhiều.

Cụ trước tác những sách này:

- Gia-Định thông chí,
- Cần-rai thi tập,
- Bức sử thi tập.

Cụ lại góp những thi của cụ của Lê-quang-Định và Ngô-nhân-Tĩnh mà in thành một quyển nhan đề « Gia-Định tam gia thi tập ».

Cụ có 2 người con, tên Như và tên Cấn, Như làm quan đến chức Lang-trung rồi mất, còn Cấn thì làm Phó-nã Đô-úy.

NGÔ NHÂN-TÌNH

Với cụ Ngô Nhân-Tình nữa thì đủ « Gia-Định Tam gia ».

Cụ tự là Như-Son. Nguyên tổ cụ là người Quảng-Đông, qua Nam ở đất Gia-Định.

Cụ có tài học rộng, làm thi hay. Cụ thọ giáo với Võ-Trưởng-Toàn và ra giúp Chúa Nguyễn-Anh một lượt với cụ Lê và cụ Trịnh, được sung chức « Hàn-lâm-viện » thi-học ».

Năm Mậu-ngọ (1798), cụ Nguyễn-văn-Tài h và cụ Đại-g-lần-lúc g lên nghị phải sai

người đi sứ qua Tàu để thám dò tiêu-tức vua Lê. Và cụ Ngô tiết tháo doan chánh, học vấn thâm viễn, nên được thăng chức « Bình-bộ hữu Tham-Tri » để đi sứ. Cụ lãnh quốc-thơ, ngồi thương-thuyền qua Quảng-Đông, g-làm trời sứ-mạng rồi trở về.

Năm Canh-thân (1800) cụ Ngô theo vua đi đánh Qui-Nhon, cụ cùng Nguyễn Kỳ-Kể coi về binh lương. Kế cụ được lệnh coi việc chánh-trị đất Phú-Yên, để thân tiên và lúa mà cung cấp quân-như.

Năm Gia-Long ngược-niên (1802), cụ lãnh chức Phó-sứ đi sứ nhà Thanh với Trịnh-Hoài-Đức.

Năm Gia-Long thứ 6 (1807), cụ lãnh chức Chánh-sứ đi với cụ Trần-công-Đàn làm Phó-sứ, đem sắc ấn vô thành La-Bích mà phong cho Nặc-ông-Chơn làm vua Chơn-Lạp.

Năm Gia-Long thứ 10 (1811) cụ lãnh chức Hiệp-Trần Nghệ-An. Cụ làm quan thanh khiết, nghiêm khắc với tnoi tham nhũng, nên dân-giã được an. Sau cụ dâng biểu xin cho về Kinh để bề kiến mà tâu các nỗi khổ của dân-gian. Vua cho. Cụ về triều, tâu rõ tình trạng xứ Nghệ-An, xin hườn tâu hường thuế cũ của dân còn thiêu, còn ai có tiền thì đóng tiền mà thế cho lúa. Vua phê các lời cụ xin. Cụ ở Kinh trot hơn một tháng rồi trở về trấn. Lúc rảnh cụ quan sát Hoan-châu phong cảnh, rồi dạy Đốc-Lạc Bùi-duong-Lịch viết quyển « Nghệ-An phong thổ ký ».

Năm Gia-Long thứ 11 (1812), cụ thăng Cờng-bộ Thượng-Thơ, lãnh Gia-định Hiệp-Tổng-Trấn. Năm ấy cụ cùng Hộ-bộ Tham-Tri Lê-việt-Nghĩa kiểm sát tiền lương và văn án các dinh.

Năm Gia-Long thứ 12 (1813) cụ cùng cụ Lê-văn-Duyệt hộ tống vua Chơn-lạp là Nặc-ông-Chơn về nước. Chừng về, có người đồn rằng cụ Ngô thọ của hối, Cụ Lê-văn-Duyệt lại tin sự ấy có thiệt. Vua hay việc ấy, mà nghĩ rằng không có bằng cứ nên bỏ qua. Tuy vậy mà cụ Ngô không an trong lòng, nên thường than-rằng: « Về rấn-thêm chun, ai khiến cho ta phải mang tiếng can không tốt như vậy? Tại lãnh không khéo thiện sự

LÔNG này, thấy bớt những án « Đạo văn » cũng mừng mừng chớ làng viết mực. Nhưng rồi lại phải đi về những câu hỏi... « không lẽ » ; bài thơ này của ai ? Ai là... Ai là tác-giả ? Kể nói qua, người bàn lại, có khi rốt cuộc không biết phần phải về ai !

THI THOẠI

Rắc rối nhưt có lẽ là hai ông này : Lê Thánh-Tôn và Tôn-thọ-Trường ; hết « *Núi vọng phu* » lại đến « *Đền bà dết vôi* » ! Người sống cãi nhau, mà sự thật thì chỉ có người chết mới hiểu rõ. Như vậy, thì cho đầu Bao-Công tái thế đi nữa cũng không biết xử đoán ra sao !

Tưởng là yên việc. Nào dè lại xảy ra cái « vụ » Đồ Chiểu với Lương-Khê ; mà hai cụ có giành chỉ cái « *Non nước tan tành...* » là cái của riêng mình ? !

Viết tới đây, tôi chợt nhớ đến năm bài « *Ngũ luận tuyệt cú* ». Ông Phan-văn-Hùm cho in vào phần trích lục văn phẩm của cụ Nguyễn-dinh-Chiêu ; ông Nguyễn-văn-Nghĩa lại nghi ngờ là gia tài của cụ Thủ-Khoa họ Bùi.

Cần rằng nông-dân được quý trọng vô cùng, vì nông dân cũng với binh sĩ giữ một phần yếu trọng trong việc bảo vệ sự sanh tồn và an toàn của đất nước. — P. Pétain

thương-liệu, nên chết phải mang tiếng phỉ bang ».

Qua mùa đông năm ấy, cụ Ngô thọ bệnh mà mất.

Cụ Trịnh Hoài-Đức xin vua truy-tặng. Vua không cho.

Minh-Mạng ngưng-niên (1820) vua cấp người giữ mộ.

Năm Tự-Đức thứ 5 (1851) cụ Ngô được đem thờ trong miếu Trưng-hưng Công-thần.

Sử biên-cu Ngô Nhân-Tĩnh văn-học cai bất, bình sanh thích ngắm vịnh, thường xướng họa cùng Trịnh-Hoài-Đức và Lê-Quang-Đình, có thi đề lại cho đời trong « Gia-định Tam gia thi tập ».

Cụ có con tên Quốc-Thoại.

BIỂU-CHANH

Trong « *Thế-giới Tân-văn* » số 21 (ngày 27 Novembre 1936) ông Từ-Lang lại quả quyết rằng tác giả chính cụ Bùi-hữu-Nghĩa. Bằng cớ là ông Nguyễn-Khắc-Huê đã bảo như vậy trong « *Thông-Loại Sơ-Khảo* » do cụ Trương-Vinh-Ký chủ trương, (số 6 tháng 10 tây, năm 1889).

Nhưng đó là những vấn đề mà chỉ có cách giải quyết có hiệu quả là... « xây bàn » hoặc « cầu cơ » hỏi lại các cụ tiên-nhơn. Bằng không thì ông nói ông nghe, bà vẫn cãi bả có lý !

Đây mới là một nghi-vấn có thể trả lời minh bạch ; nếu ta không sớm « hỏi to » lên, thì ngày sau đến phải tốn hao giấy mực.

Đọc « *Việt-Dân* » số 12 (ngày 19 mai 1934), thấy ông Phi-Hùng trích lục những câu đối của Cụ Thủ-khoa Nghĩa có 2 câu này :

Đau tức thân, lạnh tức của, thời bạc từng quen.

Mất lòng trước được lòng sau, không tiền chớ hết.

Trong « *Phóng Sự* » số 334 (ngày 12 Juin 1943) cũng thấy chép là của cụ Thủ-khoa.

Nhưng lúc ngồi không dờ ra xem « *Chương Dân Thi-thoại* » của ông tú Phan-Khôi mới biết rằng hai câu đối đó có dán ở tiệm thuốc Bắc của ông Nguyễn-an-Cư ở Hóc-môn mà ông Chương-Dân tìm là tác-giả ! (C. D. T. T. trang 78).

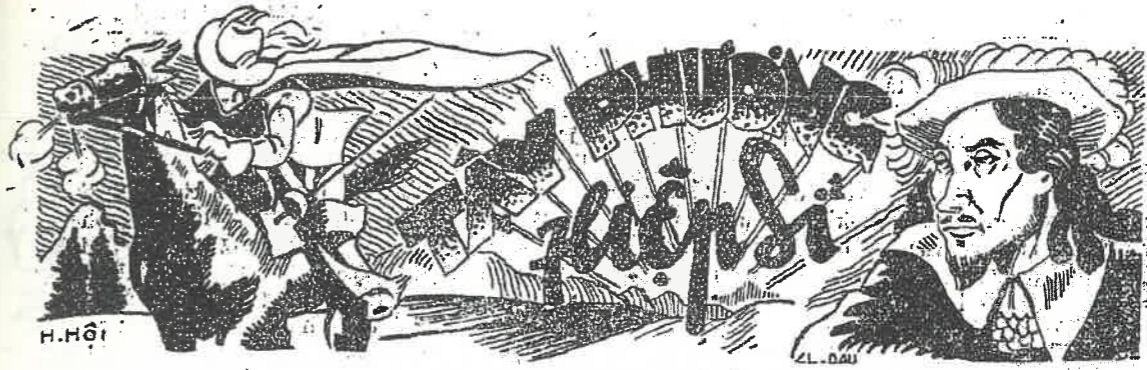
Sự thật ở đâu ?

Ông Nguyễn-an-Cư đã chính tay viết ra hai câu đối ấy, hay ông đã mượn của cụ Thủ khoa mà « bóng-giờ » với thân-chủ ông ? Ngày nay còn đó, nếu ông chẳng chịu « *hở một* » thì sau này chẳng phải « anh » hay « tôi » là kẻ có thể nói ra... sự thật !

Tây-dó AN-SĨ.

Thê-thao Đông-dương

Ngày 9 Sept. 1943 này, tờ tuần báo « *Thê-thao Đông-dương* » sẽ xuất bản mới, số 1, dưới quyền Giám-đốc của ông Trần-văn-Hạnh. Báo quán ở đường Sa-bourain, số 33-39, Saigon. Chúng tôi xin chào mừng T.T.Đ.D. và xin chúc bạn đồng-nghiệp cùng non sông trường-thọ. — N.K.T.B.



H U A ngài, nhưng thôi, bỏ việc ấy đi. Còn như nhà vua thấy cái công của tôi, muốn thưởng thì cứ thưởng cũng như thưởng một tướng-sĩ khác, chớ đâu có lẽ bày ra cái chuyện « chuộc mạng ngài » cho động tới ngài vậy !

KIỂM-HIỆP TIỂU-THUYẾT
do Thân-Yân...
— Nguyễn-văn-Quý —
dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

Monck cười nói :

— Không, chuyện ấy có can-*ph* am chi tới tôi.

— Thưa ngài, nếu chỉ có một mình tôi rõ việc ấy thì không hại chi, bởi vì tôi rất kín miệng, kín miệng hơn người nằm chết dưới mồ nữa. Song, thưa ngài, ... ngài hiểu chăng ?

— Thật tôi không hiểu.

— Thưa ngài, nếu như một người khác hơn tôi hiểu thấu cái sự bí-mật ở thành Newcastle thì sao ?

— A, túc-hạ muốn nói sự bí-mật về một triệu vàng của Bá-tước De la Fère đó chăng ?

— Thưa ngài, không phải. Tôi nói là nói cái chuyện bắt ngài kia !

— Chuyện ấy là một chuyện sắp-đặt hay vậy thôi chớ có chi lạ, có chi đáng nói. Túc-hạ là một người tri-dòng song toàn, cho nên túc-hạ khéo lợi-dụng phương-thế, biết dùng sức, biết dùng chước, cơ-mưu xuất-sắc, tôi rất phục, không có chỗ nói được.

— Thưa ngài, tôi cũng biết vậy và tôi cũng đã dự-đoán cái trí phán-đoan công-bình của ngài. Song nếu chỉ có cái chuyện bắt-cóc không thì còn nói làm chi, đầu này lại phải kể những cái trường-hợp về chuyện ấy nữa.

— Những trường-hợp nào đâu ?

— Thưa ngài, khó nói quá....

— Túc-hạ cứ nói, không sao.

— Thưa ngài, như cái bóm cây thông kia.

— Monck nghe nói đó mắt.

— Thưa ngài, cái hôm cây có lỗ để thờ kia, tôi nghĩ lại kỳ-quá. Cái sự chế-giêu ấy coi không được. Nhưng xin ngài nghĩ giùm cho tôi là một

kiếm-khách trong phái giang-hồ. Cái chuyện của tôi đã làm là một chuyện rất tự-nhiên, bởi vì tuy cách hành-dộng của tôi có hơi khiêm-nhà, song nếu kể lấy sự hệ-trọng của thời-cuộc thì còn chám-chế được, ngoài ra tôi lại là người dễ-dặt, cần-thận, không phải như kẻ khác ra khoe-khoang, làm hư danh-giá của ngài.

— Túc-hạ chớ có lo-nại, tôi dự biết túc-hạ. Trong lúc Monck nói. D'Artagnan nhìn-ngó Monck, tìm hiểu ý-nghĩ của Monck.

— Thưa ngài, ngài biết tôi, tôi rất cảm ơn, nhưng tôi nói là không phải nói tới.

Monck lộ vẻ nóng-nảy trong lòng, hỏi :

— Vậy chớ túc-hạ nói ai ?

— Thưa ngài, tôi nói là nói nhà vua kia, vì nhà vua nói chẳng vị tinh bề tôi. Thưa ngài, tôi đã thật tình với ngài thì tôi xin ngài cũng thật tình với tôi. Mỗi một người đều có một cái lòng tư-ái, nếu ai nói động đến, đầu cho động một chút cũng vậy, mình phải phân-động. Ngài nghĩ coi, một người nghiêm-chỉnh như ngài, một người đã từng giỡn-chơi với ngôi vua nghiệp chúa như ngài, không phải là người dễ-cho bị nhốt vào một cái hòm cũng như một vật lạ, bởi vì nếu bị như vậy thì kẻ nghịch của ngài họ phải một khi cười vỡ bụng, mà người quyền cao-lộc cả, người độ lượng rộng-rãi như ngài tất nhiên phải có nhiều kẻ thù-nghịch. Tôi xin lỗi ngài, nếu như người ta về ngồi nằm trong một cái hòm rồi trưng ra trước mắt thiên-hạ, thì ngài cũng không khỏi làm trò-cười. Mà cười một vị đại-thần như ngài thì còn chi là sự tôn-kính.

Monck nghe tới chuyện mình làm trò-cười cho thiên-hạ thì trong lòng hổ-thẹn, không giữ được vẻ bình-tĩnh nữa.

Quả thật như sự tiên-liệu của D'Artagnan, chuyện làm trò-cười làm cho Monck còn lo-sợ hơn cái chết nữa. Bây giờ, D'Artagnan suy nghĩ : « Được rồi, ngài đã sợ, tức là mình khỏi hại ».

Monck nói :

— Túc-hạ chớ nên lo tới nhà vua. Với Monck này, tôi dám cam-đoan rằng nhà-vua sẽ không nói chời đâu.

Đại-tướng lộ sắc giận, nhưng liền dịu lại tiếp nói :

- Một người có cái tài cao-thượng tự-nhiên như nhà vua, một người có cái tài khác-phần như nhà vua, không lẽ muốn hại kẻ tài có đức công với ngài.

- Thưa ngài, đó là lẽ tất-nhiên. Về tấm lòng của nhà vua thì tôi đồng ý-kiến-với ngài, nhưng về ý-trí của nhà vua thì tôi nghịch hẳn với Quận-công. Phải, nhà vua thật là người tốt, song lại là người nhẹ dạ.

- Túc-hạ hãy an-lòng, nhà vua nhẹ dạ với ai chớ không nhẹ dạ với tôi đâu.

- Vậy thì về phía nhà vua ngài không lo sự điều chi hết?

- Phải rồi.

- Song về phía tôi thì chưa chắc ngài sẽ được an-lòng như vậy.

- Không có lẽ, vì tôi đã nói với túc-hạ rằng tôi tin cái lời thành-tật của túc-hạ, và túc-hạ là một người cần-ngọn, chắc không có ác-ý bán-rao cái chuyện tôi năn hờn.

- Ngài nói nhảm, nhưng ngài đã quên rằng không phải chỉ có một mình tôi rõ-thấu cái chuyện ấy. Tôi còn có mấy tên thủy-thủ đi theo tôi đó chí. Hiện bây giờ chúng nó đang ở tại Boulogne chờ tôi.

- Chúng nó chờ thì chờ, túc-hạ lo sự điều chi?

- Thưa ngài, tôi sợ là sự không có tôi ở đó mà bậm miệng chúng nó, rồi chúng nó tuyên-truyền, thêu-dệt cái chuyện ấy rồi thì còn chi danh-giá của ngài!

- Nghe túc-hạ nói mà tôi bắt gặt mình. Bởi vậy cho nên khi này tôi có nói rằng nếu như có hại thì cái hại đó không phải do nơi Hoàng-thượng mà chính là tự nơi bọn thủy-thủ của túc-hạ, theo như lời túc-hạ vừa nói... Bị một nhà-vua chế-giêu còn chằm-chế được, chớ bị thứ quàn-sĩ thô-tục kia, thì ời thôi...

- Thưa ngài, tôi cũng hiểu là khó chịu lắm, chớ nên tôi mới tới để hỏi ngài coi tôi có cần phải về bên Pháp chớ sớm chăng?

- Rất cần, nếu như túc-hạ chắc rằng khi túc-hạ có mặt ở Pháp thì...

- Thưa ngài, nếu tôi có mặt ở Pháp thì chắc chắn là quân ấy phải bưng kín miệng bính,

- Nếu như họ chưa nói thì túc-hạ cần được chớ còn như họ đã tuyên-truyền ra rồi thì túc-hạ làm sao?

- Thưa ngài, tôi dám cam-đoạn rằng chúng chưa hở mồm. Dù bở nào, tôi cũng đã nhứt định một việc.

- Việc chi?

- Là tôi sẽ bừa đầu tên nào đã nói ra và tên nào đi nghe lọt vào tai. Xong rồi, tôi sẽ trở qua Anh kiếm chỗ ẩn-thân và không chừng tôi sẽ nhờ ngài thâu nạp tôi dưới trướng.

- Ủ, túc-hạ cứ trở qua đây.

- Thưa ngài, đó là nguyện-vọng của tôi, nhưng rút thay ở cái xứ Anh này tôi chỉ biết có một mình ngài, rồi chừng tôi trở qua, sợ e tôi không li n ngài được hoặc là khi ấy ngài ở vào ngôi vị tối cao làm cho ngài quên tôi đi!

- Túc-hạ quả thật là một trang hiệp-sĩ, đầy tử-trí đầy can-đảm, rất xứng đáng hưởng các

sự giàu-sang trên đời. Vậy túc-hạ, hãy theo cùng tôi về xứ Ecosse. Tôi thề rằng tôi sẽ tạ-lộ cho túc-hạ một cái địa-vị mà ai ngó thấy cũng phải thềm-thưởng.

- Thưa ngài, trong lúc này thì không có thể được vì tôi có một cái bổn-phận tối-trọng phải làm. Tôi phải lo giữ danh-tiếng cho ngài, tôi phải ngăn-cản không cho kẻ có ác-ý chế-giêu ngài. Ium cho tên tuổi của ngài phải lu-lò, làm cho ngài bị người đồng-thời và bị đời hậu-sanh chế-cười.

- Túc-hạ nói đến hậu-sanh à?

- Thưa ngài, phải. Phải làm sao cho đám hậu-sanh không về r. được cái màn bí-mật về những địa-tử-mỉ-trong của chuyện này, bởi vì thưa ngài, ví dụ như chuyện năm hôm tàu-lâu ra đi, thì thiên hạ sẽ nói rằng không phải ngài vì lòng hào-hiệp mà phục nghiệp cho nhà vua, không phải tự nơi ý ngài, lại chính là tự một lời giao-ước của nhà vua và ngài ở tại làng Scheveningen. Tôi là người rõ biết câu chuyện, đầu tôi có nói thế gì đi nữa, họ cũng không tin tôi, vì họ lại nói tôi ả-xôi chĩa rồi ngậm miệng.

Monck châu mày nói:

- Thưa ời, trên đời này công-danh, danh-dự, cang-trực cái là những tiếng hào mà thôi!

- Thưa ngài, tôi lại nói không khác là sa-mù, chìm vào trong mịt-mờ một-mặt không bao giờ thấy cho được rõ.

- Vậy thôi túc-hạ hãy trở về Pháp đi, và tôi sẽ tặng cho túc-hạ một vật kỷ-niệm để cho túc-hạ quyền-luyện đến cái xứ Anh này. Tôi có một cái nhà nhỏ, cất trong một lùm cây, trên bờ sông Clyde, xung-quanh có lối một trăm thước đất. Tôi xin hiến cho túc-hạ để làm nhà dưỡng lão.

- Thưa ngài, tôi làm nhọc lòng ngài đến thế vậy sao? Tôi nói thật, tôi thẹn lắm.

Monck cười và bắt tay D'Artagnan nói:

- Tôi làm nhọc lòng túc-hạ chớ đâu phải túc-hạ làm nhọc lòng tôi. Xin túc-hạ chớ ngại, tôi sẽ làm giấy cho liền bây giờ.

(Gòn nữa)

GIÁ BẢO

1 năm	13 \$ 00
6 tháng	7 00
Mỗi số	0 25

D. V. T. C.

1 năm	9 \$ 00
6 tháng	5 00

Mua cả hai thứ một năm 20 \$. Mua báo chỉ phải trả tiền trước. Mandat để cho Quản-ly: Hồ-văn-Kỳ-Trần



của HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)



AI người nói chuyện tới đó thì Càng nghe ý Hai tỉnh-hưng một tiếng. Càng lật-đật bước lại đứng dựa bên giường, bà Bang cũng lại nói cái ghê đở phía dưới chun. Cách một hồi, hai người ngó thấy ý Hai mở mắt và với tay kéo mí mắt.

Càng mừng mừng, tay khoát cái cửa miệng, miệng nói: « Nhờ lấy hết mồm, nên tỉnh lại được rồi, may lắm ».

Bà Bang cũng mừng, bà liền đứng dậy nắm tay ý Hai mà hỏi: « Bây giờ ý khỏe hay chưa? »

Ý Hai gặc đầu, ý nhớn Càng một hồi lâu rồi rưng rưng nước mắt và nói thề-thắng: « Có có làm đi chúc mừng mặt nó, để hết học tiền nhớ xá cho con. Tự đi-chức cất trong túi sắt. Tiền học cũng đã ở trong hết. Có có bề nào, con mở tủ lấy liền mà tặng-tặng nó ».

Bà Bang nói: « Ông thầy thuốc có nói bề ý tỉnh lại thì ông cứu ý được, ý tỉnh rồi thì không sao đâu mà sợ, nên phải tỉnh. Ý tỉnh lại thiệt tôi mừng quá. Từ hồi hôm tới bây giờ tôi lo hết sức ».

Ý Hai nắm tay Càng mà nói nữa: « Con ở dưới này, đừng về Bình-nhâm... Con phải nhớ lời cô dặn: chừng nào con muốn cưới vợ thì con phải lựa chọn cho kỹ, chớ đừng có vụt-chạc như cha con hồi trước mà mang khốn nữa... »

Nói được có mấy câu mà coi bộ đã mệt, nên nhắm mắt lại. Bà Bang với Càng muốn để cho ý Hai nghỉ, nên không dám chọc nói nữa, chỉ nhắc ghế ngồi một bên mà coi chừng.

Cô Sáu mua thuốc đã về tới. Bà Bang thuật sự ý Hai tỉnh lại và nói chuyện. Cô Sáu mừng, bèn tỉnh đở cho ý một muỗng thuốc. Có cầm ve thuốc với cái muỗng mà leo lên giường, vì ngồi phía trong. Có lấy khăn lau mặt cho

ý Hai, ý mở mắt nữa. Có đở cho ý uống một muỗng thuốc. Uống thuốc rồi, ý ngó cô Sáu mà nói: « Tôi rũi có bề nào, tôi gối (bằng) Càng lại cho cô Sáu với bề Bang. Tuy cha nó vô tình, song cô Sáu đừng có chấp, phải thương giùm con nó ».

Cô Sáu cảm động, nước mắt tròn dầm-dề. Bà Bang rói: « Con cháu của ý Hai cũng như con cháu của chị em tôi, cần gì ý phải giận. Mà ý tỉnh lại rồi, thì cũng-tỉnh ý mạnh, không có sao đâu ».

Càng liền mà khuyên: « Xin cô đừng lo sợ. Ông thầy thuốc có hứa chắc ông sẽ làm cho cô mạnh ».

Ý Hai đưa tay ngoắt Càng và nói: « Đốt... Đốt theo đi... » Coi bộ còn muốn nói nữa, song mặt dưới nói không được. Tuy vậy mà người trong nhà thấy nói nhiều tướng ý mạnh lần nên có ý mừng. Chẳng dè đến tối ý hết mở mắt được nữa, cứ nằm thở đợc, lúc-lắc kêu ý cũng không ừ hừ. Tron một đêm ấy cả nhà đều thừ mà canh, không ai dám ngủ. Đến sáng bữa sau ông thầy thuốc trở lại thăm mạch rồi lắc đầu mà nói mấy gán máu chạy lên đầu đã dứt, máu đã tràn vô trong óc, nội ngày nay sẽ chết, không còn hi-vọng cứu nữa được.

Mấy người trong nhà hay tin ấy thì bủn-rũn, chỉ có khóc mà thôi, chớ không biết làm sao.

Thiệt quả đến trưa ý Hai Thanh tặc-hoi. Càng sai con Mẹo lên Bình-Nhâm mà cho mẹ hay.

Bà Bang với cô Sáu người đi xin cất thò-mộ, người đi mua hòm và mượn nhà vàng, lo việc tống táng.

Càng không hiểu tang lễ, nên cậy bà Bang coi việc lần-liệu và cậy cô Sáu quản-suất việc trong nhà. Nhờ có hai bà sẵn lòng giùm-giúp, lại may có sẵn bạc tiền, nên mọi việc đều xuôi thuận từ lễ hết thấy.

Tần liệm xong rồi, có ba Minh trời xuống tới. Có Sáu thấy có cô Ba Minh thì cô lớn-lên, vào ra một lát rồi cô đi mất.

Cô ba Minh cũng làm mặt buồn như những người ở trong nhà và những người quen đến điếu bái, lúc tế lễ cô cũng ra lay, nhưng mà cô không tiếp khách, lại cũng không bày biện việc chi hết.

Gần đến giờ động quan đi chôn, có Sáu mới trở lại. Chừng phát hành, cô với bà Bang khóc vui, còn có ba Minh tởn táo như thường, chỉ làm mặt buồn mà thôi.

Tổng táng xong rồi, có Sáu về luôn, duy có bà Bang với cô ba Minh trở lại nhà.

Cô ba Minh hỏi Cang :

— Bây giờ con tính làm sao đây ? Chừng nào con về ?

— Đề thủng, thủng ít bữa rồi con sẽ tính.

— Bề nào cũng phải về trên, chớ ở dưới này sao được.

Cang không trả lời nữa.

Bà Bang nói : « Ý Hai có làm di-chức để hết gia-tài lại cho cháu. Vậy thì cháu phải ở đây dâng coi góp tiền phở, chớ về trên rồi làm sao ».

Cô ba Minh nói : « Ở trên mỗi tháng-xuống lấy tiền phở cũng được, cần gì phải ở dưới này ».

Cang châu mày đáp :

— Ở đâu cũng được, việc ấy không quan hệ gì lắm. Đề ít bữa rồi con sẽ liệu.

— Có hai con đề gia-tài cho con ; nay chôn cất xong rồi, vậy thì con phải mở tủ ra mà kiểm điểm lại coi có vàng bạc được bao nhiêu.

— Đồ đó con không cần cho lắm, có hay là không cũng vậy. Đề bữa nào rảnh rồi con sẽ coi.

— Phải coi cho biết chớ.

— Không gấp gì.

— Con cũng phải mở tủ lấy số mà tính coi chôn cất tốn hao hết bao nhiêu chớ.

— Tiền của cô Hai, con lấy mà chôn cô, việc xong rồi thì thôi, cần gì phải tính số.

Cô ba Minh thấy con nghịch ý thì giận lắm, song mặc còn bà Bang ngời đó nên gượng làm vui mà nói « Đi học Tây rồi nó nói chuyện nghe phát ghét. Tiền bạc mà nó nói không cần. Đồ khỏi rồi đây chúng ăn của nó hết ».

Trưa trời nắng chan-chan, mà có ba Minh bỏ đi về Bình-Nhâm, không thêm ở nữa.

Bà Bang ở luôn mấy bữa rày, bà mệt-mỏi quá, nên cũng từ đặng về nghỉ.

Bây giờ Cang ở nhà có một mình với con Mẹo, ra vô thấy trên bàn thờ đèn chong leo lét thì nhớ cô nên buồn hiu.

Đến tối, cô Sáu trở lại thăm. Cô dặn nếu có cần dùng cô về việc gì thì cứ biểu con Mẹo đi kêu cô, đừng ai ngại chi hết.

Cang rất cảm tình.

* * *
X

Mở cửa mà cho ý Hai Thanh xong rồi. Cang nghĩ đã khỏe, mà dọn-dẹp trong nhà và cho Nó-te hay đặng làm giấy tờ sang bộ nhà đất cũng đã xong rồi hết.

Một đêm con Mẹo đã xuống nhà bếp mà ngủ. Trong nhà vắng-boe. Cang mở tủ sắt lấy số ra tính thì về tiền thuốc men, về cuộc tổng táng, tốn hao hết thấy gần 600 đồng bạc. Sẵn dịp ấy chàng mới soạn hết giấy tờ vàng bạc trong tủ ra mà đếm.

Vọng neo đứng riêng một hộp, đếm chung hết thấy là 12 đôi.

Bạc xài hôm nay còn dư lại được một ngàn 300 đồng.

Có một cái hộp cần đề sát góc trong. Cang lấy mà mở ra, thì thấy ở trên để một tờ di-chức làm tại Nó-te ; theo tờ ấy hề ý Hai Thanh chết rồi thì gia-tài, tiền bạc, nhà đất của ý đều về Cang trọn quyền làm chủ mà hưởng hết. Kế đó có một tờ nữa, ấy là tờ bằng-khoán miếng đất chỗ cất nhà-phở đây. Trong hộp lại có 3 phong thơ đề sát dưới đây. Cang lấy ra mà coi ngoài bao, thì mỗi bao đã có xé góc rồi hết. ba bao đều đề tên ý Hai Thanh, mà vì thơ gởi đã lâu, nên nét mực đã phai lợt.

(Còn tiếp)

Đính-chánh

Trong N. K. số 50 ngày 2 Septembre 1943, về bài « Tiêu-sử Sĩ-Tài Trương-vinh-Ký » có mấy chỗ in lầm quá hệ, xin sửa lại :
Trang 3, cột 1, hàng 31 xin đọc Doãn-Uân.
— 4 — 2 — 39 — Potteaux
— 4 — 2 — 45 — Patxot

AVIS D'APPEL D'OFFRES

Lieu, date et heure de l'Appel d'Offres

Bureau de l'Ingénieur en Chef de la Circonscription des Travaux Publics de Cochinchine à Saigon, le 16 Septembre 1943 à dix heures.

OBJET — Construction d'un mur de clôture au Service des Travaux Publics à Saigon.

Importance des travaux . . . 23.953 \$50

Cautionnement provisoire . . . 400f. 00

Cautionnement définitif : 1/30 du montant des travaux après résultat d'Appel d'Offres.

Bureau où le dossier peut être consulté : Arrondissement des Bâtiments Civils.

Cour d'Appel de Saigon

EXTRAIT D'ARRET en matière correctionnelle

Par arrêt contradictoire définitif rendu par la Cour d'Appel de Saigon (Chambre des appels correctionnels), le 3 Novembre 1942.

Sur l'appel interjeté par le prévenu d'un jugement rendu par le Tribunal correctionnel de Saigon le 29 Août 1942 qui l'a condamné à Huit jours d'emprisonnement et 500 fr. x 3 d'amende et a ordonné l'affichage par extrait du jugement à la porte du magasin où le délit a été commis et son insertion dans 3 journaux dont 2 en langue annamite, le dernier en langue française, le tout aux frais du condamné sans toutefois que le coût de chacune des mesures de publication susvisées puisse dépasser 25 \$ pour hausse illicite du prix du charbon de bois dit de ménage.

Le nommé LE-VAN-HUNG, âgé de 32 ans, né à Phuoc-Ly (Cholon) domicilié à Cholon, Quai de Logom sans numéro, fils de f. Buu et de Nguyễn-thi-Yên, célibataire, sans profession.

Reconnu coupable de Hausse illicite du prix du charbon de bois dit de ménage, commise à Cholon, le 2 Mai 1942.

A été condamné à la peine de HUIT JOURS D'EMPRISONNEMENT et 500 fr. x 3 = mille cinq cents francs d'amende et aux dépens liquidés à 13 \$ 09 par application des articles 19, 34 de l'arrêté G. G. du 1-11-41, 8 du décret du 25-8-37 complété par l'article 3 du décret du 15 Mars 1941, 46 de la loi du 11-7-38.

(Le même arrêt a confirmé les mesures d'affichage et de publication ordonnées par le jugement sus mentionné, savoir : affichage par extrait du jugement à la porte du magasin où le délit a été commis et son insertion dans trois journaux dont deux en langue annamite, le dernier en langue française, le tout aux frais du condamné sans toutefois que le coût de chacune des mesures de publication susvisées puisse dépasser 25 \$).

La durée de la contrainte par corps a été fixée au minimum.

Pour extrait conforme délivré à M le Procureur Général P. Le Greffier en Chef de la Cour d'Appel.

LƯỢC DỊCH

Án Phòng Phá-Án Đông-Pháp ngày 26 Jun 1943 đã-bác đơn Kháng Án của tội-nhơn.

TOÀ PHỨC ÁN SAIGON

Trích-lục án Tòa Phức-Án về việc tiêu-hình.

Chiếu theo đơn của Lê-văn-Hung, 32 tuổi, sanh tại Phước-Lý (Cholon) cư ngụ tại Cholon, con của Buu (chết) và của Nguyễn-thi-Yên, đã đứng chống cái án Tòa tiêu-hình Saigon lên ngày 29 Aout 1942.

Tòa Phức-Án Saigon (Phòng xử về việc Tiêu-hình) đã lên án hiện diện cuối cùng ngày 3 Novembre 1942 xử tên ấy TÁM NGÀY TÙ và 500 quan x 3, tức là một ngàn năm trăm quan tiền và về tội bán than cũ quá giá nhà nước và xử phải trả tiền tụng lệ là 13 \$ 09.

Án ấy dạy phải dân bốn trích-lục ở cửa tiệm của tội-nhơn và dạy phải án-hành bốn trích-lục trong hai tờ báo quốc-văn và trong một tờ báo tiếng lang-sa. Tất cả số phí về phần tội-nhơn phải trả, song giá tiền mỗi lần án-hành trên đây không được trên hai mươi lăm đồng bạc.

Giới hạn giam-thầu định theo cách tối-thiểu.

Trích-lục y theo bản chánh án

đăng đề lên cho quan Chương-ly.

Thay mặt quan Lục-sự Tòa Phức-Án.

Ký tên : L. BEZ. (có con dấu)

Thi-hành theo lời thỉnh-cầu

của quan Chương-ly.

Quan Đại Luật-sự.

Ký tên : M. LEGER. (có con dấu)

Lược dịch y theo bản trích-lục án.

Thông-ngẫu hữu thể :

UNG-VAN-THANH.

Chứng-dấu ký tên trên đây của M. Ung-vân-Thanh, thông-ngẫu hữu thể về tiếng annamot tại Tòa Án Saigon.

Saigon, le 20 Aout 1943.

Quan Đầu Phòng Dịch Văn-Tự.

VO-PHẠM JEAN.